UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY ĐIỀU HÀNH PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 7728/BC-TTCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 16 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 15/9/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		566	Giảm (27,4%)	37.834
Đang điều trị (19.894)	*Tầng 3*	11	Tăng (22,2%)	204
	Tầng 2	371	Tăng (10,4%)	5.422
	Tầng 1	624	Giảm (9,2%)	7.035
	Khác			7.233
Khỏi bệnh*		1.599	Tăng (643,7%)	17.599
Tử vong*		04	-	341

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	40.176	Tăng (83,6%)	2.560.895
Dương tính	1.577 (566 ca mới, 1.011 theo dõi điều trị)	Giảm (35,0%)	80.504
Âm tính	38.038	Tăng (97,1%)	2.466.220

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn;

- 01 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR.

- Trong ngày có 566/40.176 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 1,4%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	455	8.400	17.848	26.248
Cách ly tại nhà	161	11.000	52.717	63.717
Theo dõi sức khỏe	129	4.061	21.235	25.296

Trong ngày: 250 F1 (cộng dồn: 15.963), 123 F2 (cộng dồn 30.921)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.666 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 18 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.648 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 03 ca, lũy kế 1.746 ca F0/140.308 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T
- DN có F0 trong ngày: 02 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 61/1.122 tổng số DN thực hiện 3T; Chi tiết Công ty có ca nhiễm:

+ Cty CP Dược phẩm OPV – KCN Biên Hòa ll: 02 F0 chuyển từ F1.
+ Cty TNHH Dệt Kim Á Châu – KCN Nhơn Trạch VI: 01 F0 chuyển từ F1.

- Điều trị khỏi: 1.234/1.746 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 70,68%
- Đang điều trị: 512 ca, chiếm 29,32%.
- Số doanh nghiệp 3T có ca F0 đang điều trị 28/61 Doanh nghiệp.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 37.806 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 1.599 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 04 ca bệnh tử vong do COVID-19.
- 135 ca là phụ nữ đang mang thai, 887 ca dưới 5 tuổi, 494 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.
- 52 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,…);
  + 01 ca ECMO
  + 52 ca thở máy xâm lấn
- 505 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);
- 3.243 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 8.913 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.134giường (trống 7.255 giường).
- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 6.350 giường (trống 1.123 giường)
- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 407 giường (trống 207 giường)

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;
- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;
- 566 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 01 trong cộng đồng, 121 ca trong khu phong tỏa và 444 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 01 ca trong cộng đồng: qua xét nghiệm sàng lọc cộng đồng ghi nhận tại xã An Phước, huyện Long Thành

+ 121 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Bửu Hòa (19), An Bình (12), Long Bình Tân (17) – Biên Hòa; thị trấn Hiệp Phước (17) – Nhơn Trạch; xã Hố Nai 3 (21) – Trảng Bom. Trong đó 16 ca bệnh tại ổ dịch Quan tâm tu viện phường Bửu Hòa (Biên Hòa) đã phong tỏa

- Hiện còn 240 trường hợp test nhanh, PCR mẫu gộp dương tính đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR tại Biên Hòa;
- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Nhơn Trạch 234, Biên Hòa 201 (199 trường hợp test nhanh dương tính), Trảng Bom 11, Xuân Lộc 08 (02 trường hợp về từ vùng dịch, 04 trường hợp test nhanh dương tính, 02 F1), Tân Phú 01;
- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 02 tàu, 42 người.
- Cộng dồn: 1.118 tàu, 20.914 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Đang tiến khai Đợt 7,8 (từ ngày 01/9/2021)

- **Tổng số tiêm trong ngày: 9.253 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 9.003 người; Mũi 2: 250 người.

- Tiến độ theo Kế hoạch: Đợt 7 đạt 96,6%; Đợt 8 đạt 83,8%

- Số liều vắc xin còn lại: 73.087 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **1.787.246 liều** vắc xin COVID-19 cho **1.703.678 người** (chiếm tỉ lệ **74,95%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có 83.568 người đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ 3,7%).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới **bắt đầu lúc 0h00 ngày 20/9/2021**. Từ ngày 16/9/2021 đến hết ngày 19/9/2021 tỉnh Đồng Nai vẫn tiếp tục thực hiện Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh giãn cách toàn xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tiếp tục tăng cường thực hiện nghiêm các biện pháp trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo tại Công văn số 10569/UBND-KGVX ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh.

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 01 ca trong cộng đồng: qua xét nghiệm sàng lọc cộng đồng tại xã An Phước, huyện Long Thành

- 121 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Bửu Hòa (19), An Bình (12), Long Bình Tân (17) – Biên Hòa; thị trấn Hiệp Phước (17) – Nhơn Trạch; xã Hố Nai 3 (21) – Trảng Bom. Trong đó 16 ca bệnh tại ổ dịch Quan tâm tu viện phường Bửu Hòa (Biên Hòa) đã phong tỏa kiểm soát.

- Ca mắc mới trong ngày có chiều hướng giảm, số ca điều trị khỏi tăng cao.

- Tỉ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bản tỉnh đạt 75%

IV. Kiến nghị

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Thực hiện kiểm soát nghiêm, giãn cách các khu nhà trọ trong vùng phong tỏa đặc biệt là các vùng phong tỏa rộng..

- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các công ty thực hiện 3T.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Địa phương	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
1	Biên Hòa	171	-58,1%	14.633
2	Nhơn Trạch	252	83,9%	9.256
3	Vĩnh Cửu	61	-62,1%	8.532
4	Trảng Bom	65	16,1%	2.735
5	Long Thành	5	-54,5%	797
6	Thống Nhất	10	-	444
7	Long Khánh	0	-	328
8	Xuân Lộc	1	-	277
9	Định Quán	0	-100,0%	255
10	Cẩm Mỹ	0	-	198
11	Tân Phú	0	-	26
12	Ngoại tỉnh, khác	1	0,0%	321
Tổng		**566**	**Giảm (27,4%)**	**37.802**

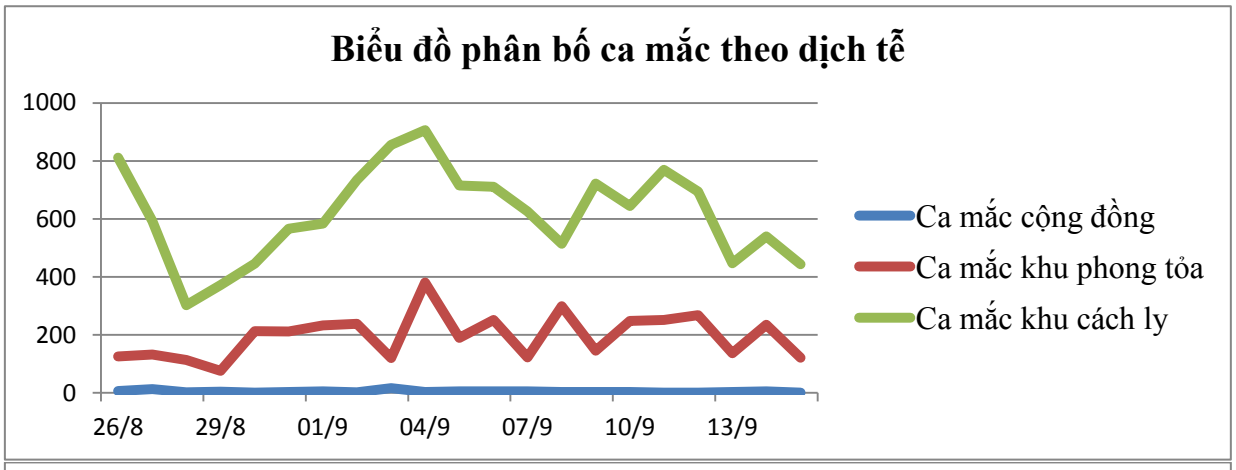

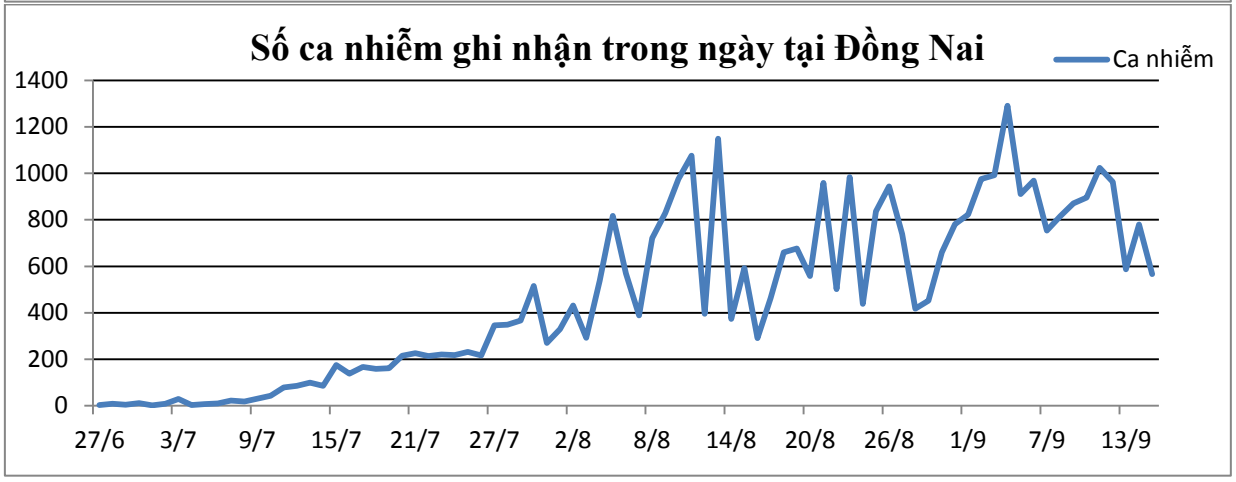

Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)								
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng				Số ca Chưa rõ nguồn lây
						Tổng	Trong đó			
							Cộng Đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp	
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (40)										
1	**Biên Hòa**	**174**	**0**	**125**	**49**					
1.1	*An Bình*	**12**			12					
1.2	*An Hòa*	**1**		1						
1.3	*Bửu Hòa*	**22**		19	3					
1.4	*Bửu Long*	**0**								
1.5	*Hiệp Hòa*	**2**		2						
1.6	*Hố Nai*	**0**								
1.7	*Hóa An*	**2**			2					
1.8	*Hòa Bình*	**0**								
1.9	*Long Bình*	**6**		4	2					
1.10	*Long Bình Tân*	**38**		21	17					
1.11	*Phước Tân*	**6**		4	2					
1.12	*Quyết Thắng*	**6**		1	5					
1.13	*Tam Phước*	**36**		35	1					
1.14	*Tân Biên*	**25**		25						
1.15	*Tân Hạnh*	**0**								
1.16	*Tân Hiệp*	**5**		5						
1.17	*Tân Phong*	**4**		3	1					
1.18	*Tân Tiến*	**0**								
1.19	*Tân Vạn*	**4**		4						
1.20	*Trảng Dài*	**5**		1	4					
2	**Long Khánh**	**0**								
2.1	*Bảo Vinh*	**0**								

3	**Nhơn Trạch**	**259**	**0**	**223**	**36**					
3.1	*Đại Phước*	**20**		20						
3.2	*Hiệp Phước*	**174**		157	17					
3.3	*Long Tân*	**0**								
3.4	*Long Thọ*	**0**								
3.5	*Phú Đông*	**15**		3	12					
3.6	*Phú Hội*	**24**		17	7					
3.7	*Phú Hữu*	**3**		3						
3.8	*Phú Thạnh*	**0**								
3.9	*Phước An*	**0**								
3.10	*Phước Khánh*	**0**								
3.11	*Phước Thiền*	**23**		23						
3.12	*Vĩnh Thanh*	**0**								
4	**Trảng Bom**	**61**	**0**	**34**	**27**					
4.1	*Hố Nai 3*	**37**		16	21					
4.2	*Bắc Sơn*	**20**		16	4					
4.3	*Bình Minh*	**4**		2	2					
4.4	*Thanh Bình*	**0**								
4.5	*TT Trảng Bom*	**0**								
5	**Vĩnh Cửu**	**58**	**0**	**44**	**14**					
5.1	*Thạnh Phú*	**45**		36	9					
5.2	*Thiện Tân*	**13**		8	5					
NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (28)										
1	**Biên Hòa**	**4**	**0**	**4**	**0**					
1.1	*Long Hưng*	**1**		1						
1.2	*Quang Vinh*	**0**								
1.3	*Tam Hiệp*	**2**		2						
1.4	*Trung Dũng*	**1**		1						
2	**Cẩm Mỹ**									
2.1	*Long Giao*									

2.2	*Sông Ray*									
3	**Định Quán**									
3.1	*Phú Ngọc*									
3.2	*Phúc Túc*									
4	**Long Khánh**									
4.1	*Xuân Bình*									
5	**Long Thành**	**4**	**0**	**4**	**0**					
5.1	*An Phước*	**0**				**1**	**1**			
5.2	*Bàu Cạn*	**0**								
5.3	*Bình Sơn*	**1**		1						
5.4	*Long An*	**0**								
5.5	*Tam An*	**3**		3						
5.6	*TT Long Thành*	**0**								
6	**Thống Nhất**									
6.1	*Gia Tân 3*									
6.2	*Gia Kiệm*			**5**						
7	**Trảng Bom**	**2**	**0**	**2**	**0**					
7.1	*Giang Điền*	**0**								
7.2	*Đồi 61*	**0**								
7.3	*Hưng Thịnh*	**0**								
7.4	*Sông Thao*	**0**								
7.5	*Sông Trầu*	**2**		2						
8	**Vĩnh Cửu**	**4**	**0**	**4**	**0**					
8.1	*Phú Lý*	**0**								
8.2	*Bình Lợi*	**0**								
8.3	*Mã Đà*	**0**								
8.4	*Tân An*	**4**		4						
8.5	*Trị An*	**0**								
8.6	*Vĩnh Tân*	**3**		3						
NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (27)										

1	**Biên Hòa**	**8**	**0**	**2**	**6**					
1.1	*Bình Đa*	**0**								
1.2	*Tam Hòa*	**2**		2						
1.3	*Tân Hòa*	**0**								
1.4	*Tân Mai*	**4**			4					
1.5	*Thanh Bình*	**0**								
1.6	*Thống Nhất*	**2**			2					
2	**Cẩm Mỹ**									
2.1	*Xuân Quế*									
2.2	*Xuân Đường*									
2.3	*Bảo Bình*									
2.4	*Lâm San*									
2.5	*Xuân Tây*									
3	**Định Quán**									
3.1	*La Ngà*									
3.2	*Gia Canh*									
3.3	*Suối Nho*									
4	**Long Khánh**									
4.1	*Suối Tre*									
4.2	*Bàu Sen*									
5	**Long Thành**									
5.1	*Long Phước*									
5.2	*Phước Thái*									
6	**Trảng Bom**									
6.1	*Quảng Tiến*									
6.2	*Cây Gáo*									
6.3	*An Viễn*									
6.4	*Tây Hòa*									
6.5	*Đông Hòa*									
7	**Vĩnh Cửu**									

7.1	*Vĩnh An*			2						
7.2	*Bình Hòa*									
8	**Xuân Lộc**									
8.1	*Xuân Bắc*									
8.2	*Xuân Phú*									
BÌNH THƯỜNG MỚI (VÙNG XANH) (75)										
1	Biên Hòa (00)									
2	Cẩm Mỹ (06)									
3	Định Quán (09)									
4	Long Khánh (11)									
5	Long Thành (06)									
6	Nhơn Trạch (00)									
7	Tân Phú (18)									
8	Thống Nhất (08)									
8.1	*Gia Tân 2*			1						
8.2	*Hưng Lộc*			2						
8.3	*Xuân Thiện*			2						
9	Trảng Bom (02)									
10	Vĩnh Cửu (02)									
11	Xuân Lộc (13)									
11.1	*Xuân Hưng*			**1**						

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 mới ghi nhận

STT	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	C.C.Đ	1984		BVLK	Ấp An Thạnh, xã An Hão, huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	14/9/21	ARDS mức độ nặng/Sốc Nhiễm Trùng - Suy đa tạng/ XHTH do stress/ Viêm phổi nặng/ COVID-19 mức độ nguy kịch ngày 22/ ĐTĐ Type 2
02	N.C.L	1973		BVLK	Phường Trảng Dài, Tp Biên Hòa	15/9/21	COVID 19 mức độ nguy kịch ngày 21/ARDS mức độ nặng/ Viêm phổi nặng/Sốc nhiễm trùng./Đái tháo đường type 2/ Tâm thần phân liệt
03	Đ.T.U		1974	BVTN	Ấp 5, Thạnh Phú, Vĩnh Cửu	14/9/21	viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS coV 2 bội nhiễm, đái tháo đường type 2, suy thượng thận mạn
04	Đ.T.T		1965	BVTN	Xã Hố Nai 3- Huyện Trảng Bom	15/9/2021	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS coV 2 - Nhiễm trùng huyết/ Đái tháo đường type 2- Tăng huyết áp- Lệ thuộc thở máy.

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PƯ nhẹ	PƯ nặng	Số liều KH	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.217	308	8.152	8	28.980	122,58%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	118,66%
Đợt 4	330.782	298.775	32.007	1.825	8	316.160	104,62%
Đợt 5	172.227	146.369	25.858	875	0	157.000	109,70%
Đợt 6	277.765	275.597	2.168	9	0	265.210	104,73%
Đợt 7	663.286	662.336	950	6.675	0	686.590	96,61%
Đợt 8	257.467	256.765	702	280	0	307.250	83,80%
Đợt 9*	0	0	0	0	0	515.500	0,00%
Khác	4.900	2.450	2.450			4.900	100,00%
Tổng cộng	1.787.246	1.703.678	83.568	26.771	24	2.320.040	77,04%

***** Đợt 9 chưa nhận vắc xin

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 5 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng…)	Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	**40**	**40**	**5**	**0**	**0**	**1**	**37**	**0**	**121**	**0**	**4**	**0**	**22**	**11**		**0**	**1**	**0**	**31**	**6**	**3**
2	BVTN/TTHSTC	**400**	**200**	**4**	**0**	**4**	**2**	**84**	**92**	**141**	**12**	**22**	**4**	**26**	**28**		**0**	**0**	**0**	**62**	**22**	**116**
3	BVĐKKVLK/HSTC	**100**	**40**	**0**	**0**		**1**	**21**	**52**	**32**	**14**	**0**	**0**	**2**	**19**	**0**	**0**	**1**	**0**	**5**	**1**	**19**

4	BVĐKKVLT	**100**	**100**	**0**	**0**	**2**	**0**	**46**	**27**	**29**	**0**	**16**	**2**	**0**	**28**	**0**	**0**	**0**	**0**	**37**	**9**	**54**
5	BV Nhi ĐN	**20**	**10**					**0**														
6	BV Định Quán	**60**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**11**
7	BV Phổi																					
8	BV QTCTCH SG-ĐN																					
9	BV Đồng Nai 2	10	10	2	0	1	0	10	90	0	53	2	0	0	8	10	0	0	0	1	9	0
10	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu																					
11	BV Cao su Đồng Nai																					
Tổng cộng (tầng 3)		**730**	**411**	**11**	**0**	**7**	**4**	**204**	**262**	**323**	**79**	**44**	**6**	**50**	**94**	**10**	**0**	**2**	**0**	**136**	**47**	**207**
TẦNG 2																						
1	Bệnh viện dã chiến số 1	**350**	**285**	**5**	**6**	**0**	**0**	**210**	**20**	**1**	**249**	**0**	**0**	**0**	**3**	**75**	**132**	**2**	**13**	**178**	**19**	**75**
2	Bệnh viện dã chiến số 2	**350**	**370**	**5**	**5**	**0**	**0**	**254**	81	0	771	0	0	0	5	175	108	7	5	115	16	70
3	Bệnh viện dã chiến số 3	**550**	**500**	**6**	**16**	**0**	**0**	**432**	**51**	**0**	**1331**	**0**	**0**	**0**	**33**	**51**	**348**	**13**	**15**	**337**	**95**	**68**
4	Bệnh viện dã chiến số 4	**360**	**345**	**38**	**0**	**1**	**0**	**343**	**61**	**0**	**1058**	**0**	**0**	**0**	**10**	**51**	**292**	**0**	**39**	**300**	**8**	**2**
5	Bệnh viện dã chiến số 5	**300**	**316**	**0**	**45**	**0**	**0**	**192**	**0**	**0**	**796**	**0**	**0**	**0**	**5**	**103**	**89**	**4**	**24**	**15**	**26**	**120**
6	Bệnh viện dã chiến số 6	**1200**	1090	71	84	1	**0**	659	88	0	3134	0	0	0	23	223	413	17	50	516	19	351
7	Bệnh viện dã chiến số 7	**730**	**700**	**0**	**99**	**0**	**0**	**629**	**108**	**1**	**1893**	**0**	**0**	**0**	**5**	**64**	**560**	**10**	**51**	**558**	**10**	**71**
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	4	3	0	**0**	599	26	0	835	0	0	0	15	149	435	7	59		**17**	**36**
9	Bệnh viện dã chiến số 9	**1000**	**662**	**107**	**98**	**0**	**0**	**503**	**18**	**0**	**926**	**0**	**0**	**0**	**8**	**188**	**307**	**4**	**31**	**437**	**5**	**159**
10	**Bệnh viện dã chiến số 10**	**850**	**807**	**71**	**17**	**0**	**0**	**708**	**45**	**0**	**1259**	**0**	**0**	**0**	**23**	**102**	**606**	**3**	**65**	**623**	**20**	**137**
11	Bệnh viện Da liễu	150	150	38	0	0	0	123	17	0	384	0	0	0	2	45	76	0	16	65	3	0
12	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	8	5	3	0	77	73	11	121	7	0	2	40	45	10	7	0	10	15	0
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	6	3	5		54							3	26	25		17	36	1	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	3	4	0	0	117	0	0	0	0	0	0	39	78	0	2	2	83	30	33
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	0	0	0	14	3	0	7	0	0	0	0	4	10	0	1	0	0	16
16	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	6	0	0	0	1	0	0	1	0	4	0	0	0	1	
17	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai 2	40	43	5	1	2	0	43	90	0	53	2	0	0	8	37	16	2	5	26	21	
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	2	2	2	0	27	86	0	59	1				9	17		3	16		8

19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	1	15	0	0	24	23	1	49	0	0	0	0	20	4	2	1	22	0	41
20	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	1	1	0	0	15	3	0	22	0	0	0	6	10	5	1	0	5	5	0
21	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	0											4	208	56					
Tổng cộng (tầng 2)		**7527**	**6545**	**371**	**404**	**14**	**0**	**5422**	**793**	**14**	**12947**	**11**	**0**	**2**	**233**	**1663**	**3513**	**81**	**397**	**3342**	**311**	**1123**
TẦNG 1																						
1	Biên Hòa	3834	3498	414	118	18	0	2461	568	13	3155	0	0	0	20	835	1630	14	214	2050	77	678
2	Long Khánh	432	432	0	5	0	0	4	0	0	5	0	0	0	0	0	4	0	0	4	0	428
3	Vĩnh Cửu	5790	5660	54	163	14	0	1814	1032	3	4017	0	0	0	0	116	1698	12	109	1725	14	2890
4	Định Quán	100	89	2	0	0	0	28	42	0	51	0	0	0	0	20	8	0	2	26	1	61
5	Tân Phú	60	60	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60
6	Trảng Bom	876	871	58	39	7	0	373	957	1	990	0	0	0	0	37	336	5	25	342	4	466
7	Thống Nhất	130	140	5	0	4	0	18	26	0	0	0	0	0	0	0	18	0	2	18	1	120
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	0	2	0	0	9	2	0	22	0	0	0	0	2	7	0	0	5	0	191
10	Long Thành		130	0	8	0	0	130	28	0	418	0	0	0	0	0	135	0	0			
11	Nhơn Trạch	3230	3210	91	0	107	0	2169	0	0	0	0	0	0	45	560	1564	21	138	1992	39	2062
	TỔNG CỘNG (Tầng 1)	**14952**	**14290**	**624**	**335**	**150**	**0**	**7035**	**2655**	**17**	**8662**	**0**	**0**	**0**	**65**	**1570**	**5400**	**52**	**490**	**6162**	**136**	**7255**
TỔNG TẦNG (3+2+1)		**23209**	**21246**	**1006**	**739**	**171**	**4**	**12661**	**3710**	**354**	**21688**	**55**	**6**	**52**	**392**	**3243**	**8913**	**135**	**887**	**9640**	**494**	**8585**